TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 367/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Tân B, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, có mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26/7/2023, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Văn C chung sống với nhau từ năm 1996, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống bà T và ông C có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường uống rượu về chửi mắng đánh bà T. Từ lúc bắt đầu về chung sống là ông C đã thường

xuyên rượu chè cờ bạc rồi về đánh bà T, cho đến nay vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Bà T đã chịu đựng ông C từ năm 1996 đến nay, vì nghĩ đến con nên bà T cũng đã cố gắng khuyên bảo ông C thay đổi để con cái có gia đình trọn vẹn nhưng ông C vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể quay về chung sống đoàn tụ hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông C có 04 con chung tên Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1996; Đỗ Thị T A, sinh năm 1999; Đỗ Tiến M, sinh năm 2001 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 21/12/2009. Bà T yêu cầu nuôi con chung tên Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 21/12/2009 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1996; Đỗ Thị T A, sinh năm 1999; Đỗ Tiến M, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không có ý kiến gì khác.

** Bị đơn ông Đỗ Văn C:*

Trong quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tống đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Đỗ Văn C biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông C.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng là đã tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ông Đỗ Văn C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông C có nơi cư trú tại ấp T, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng ông C theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Văn C chung sống với nhau từ năm 1996, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nhưng đã vi phạm các Điều 9, Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn xác định quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà T cho rằng bà và ông C thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C thường uống rượu về chửi mắng đánh bà T. Từ lúc bắt đầu về chung sống là ông C đã thường xuyên uống rượu cờ bạc rồi về đánh bà T, cho đến nay vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Bà T đã chịu đựng ông C từ năm 1996 đến nay, vì nghĩ đến con nên bà T cũng đã cố gắng khuyên bảo ông C thay đổi để con cái có gia đình trọn vẹn nhưng ông C vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể quay về chung sống đoàn tụ hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn C.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống bà T và ông C có có 04 con chung tên Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1996; Đỗ Thị Thúy A, sinh năm 1999; Đỗ Tiến M, sinh năm 2001 và Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 21/12/2009. Bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 21/12/2009 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1996; Đỗ Thị Thúy A, sinh năm 1999; Đỗ Tiến M, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, cháu N cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 16 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Đỗ Văn C về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ, chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đỗ Văn C.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Tuyết N, sinh ngày 21/12/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Đỗ Văn C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Đỗ Thị Hải Y, sinh năm 1996; Đỗ Thị Thúy A, sinh năm 1999; Đỗ Tiến M, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009241 ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

5**.** Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/9/2023).

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Minh Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Thị Tuyết